

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2026

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thu Vân

- Ông Bùi Văn Mưa Lớn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Triệu Anh Thư- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ hôn nhân và gia đình án thụ lý số: 169/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Yến N**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: **ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long**.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phạm Khôi N1**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: **ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long**.

Tất cả đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2026, trong suốt quá trình tố tụng chị **Phạm Thị Yến N** trình bày:

Chị và anh **N1** tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long)** vào ngày 13/4/2025. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 01 năm 2026 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh **N1**.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Anh **Nguyễn Phạm Khôi N1** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2026 của chị **Phạm Thị Yến N** đối với anh **Nguyễn Phạm Khôi N1** thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long.

Anh **Nguyễn Phạm Khôi N1** có nơi cư trú tại **xã V, tỉnh Vĩnh Long**. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh **Nguyễn Phạm Khôi N1** đến

để tham gia phiên tòa nhưng anh **N1** vắng mặt không rõ lý do, đồng thời trong quá trình tố tụng chị **N** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị **N** và anh **N1** là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị Yến N** và anh **Nguyễn Phạm Khôi N1** tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2015 tại **UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long)** nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống chị **N** và anh **N1** không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã ly thân từ tháng 01 năm 2026 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị **N** là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ anh **N1** và chị **N** đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc nhau, bỏ mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **N** đối với anh **N1** là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị **Phạm Thị Yến N** khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị **Phạm Thị Yến N** khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị **Phạm Thị Yến N** khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị **Phạm Thị Yến N** có nghĩa vụ chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

- Căn cứ các điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Yến N** đối với anh **Nguyễn Phạm Khôi N1**, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị Yến N** và anh **Nguyễn Phạm Khôi N1** được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Chị **Phạm Thị Yến N** khai không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị **Phạm Thị Yến N** khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **Phạm Thị Yến N** khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị **Phạm Thị Yến N** có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006121 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND Vĩnh Long (1b);
- VKSND Khu vực 6 – Vĩnh Long (2b);
- UBND xã Vĩnh Thành (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm